CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Sông Đà 7.02

Ngày 31/12/2025	7,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**1.4%**

DT thuần
Q4/25
7.81
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.49| -30.9%
YoY: ▲ 2.14| 37.7%

LN thuần
Q4/25
0.79
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.28| -74.3%
YoY: ▲ 2.44| 148%

LN sau thuế
Q4/25
0.75
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.16| -74.3%
YoY: ▲ 2.40| 145%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
35.9%
YoY: +/-▲ 1.1%

ROE
2025
6.5%
YoY: +/-▲ 1.5%

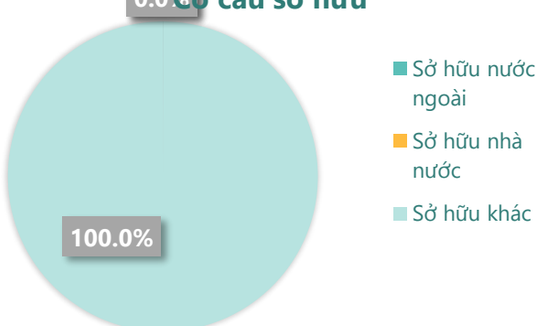
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,900 - 7,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	84
Số lượng CPLH (CP)	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	590
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.01
EPS	669
P/E	10.5

DT thuần
2025
37.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.30| 3.5%

LN thuần
2025
8.46
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.57| 43.7%

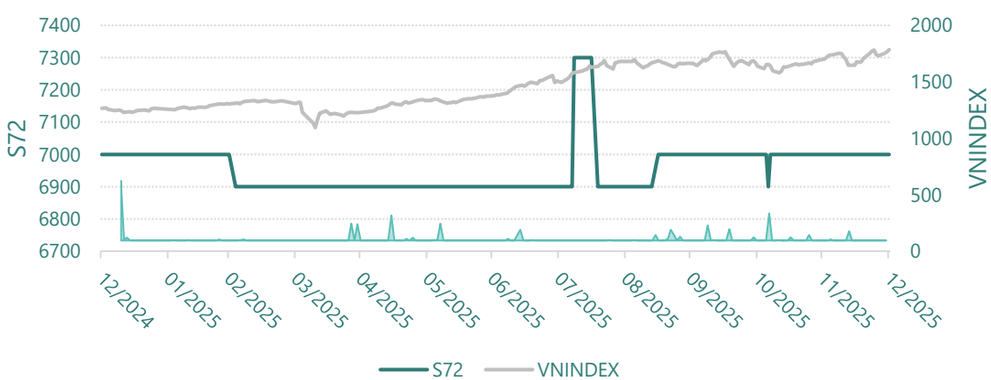
LN sau thuế
2025
8.03
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.15| 36.5%

Cơ cấu sở hữu

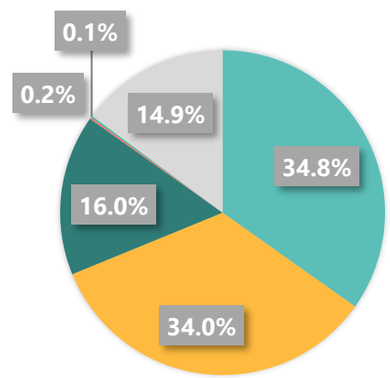


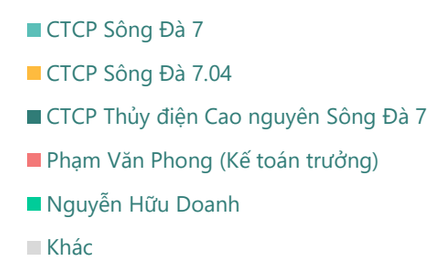
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

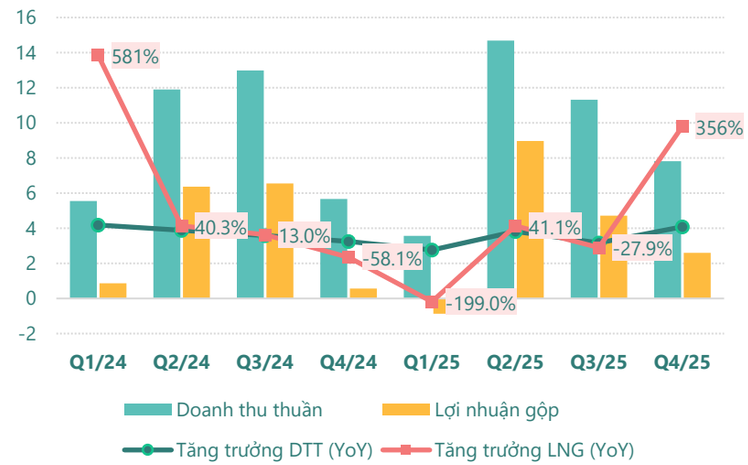




(Nguồn: fireant.vn)

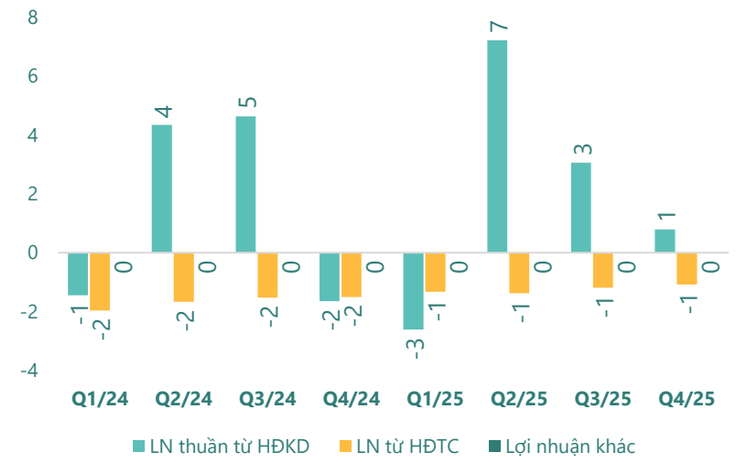
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



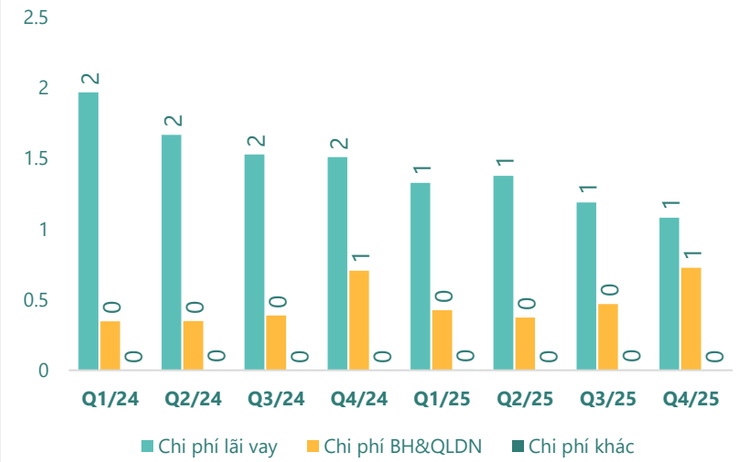
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



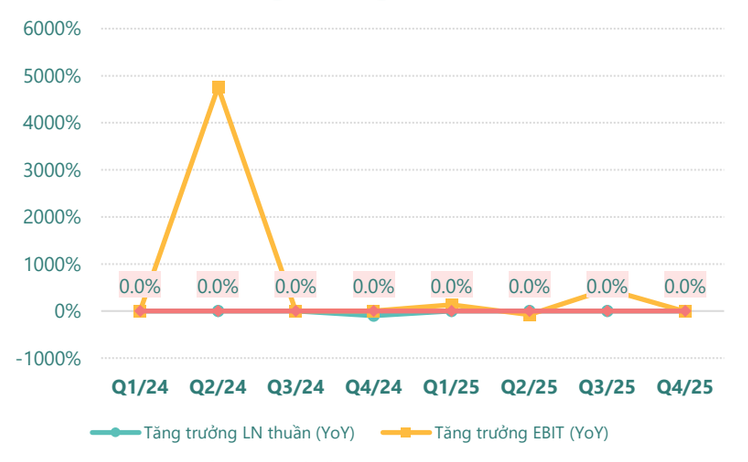
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



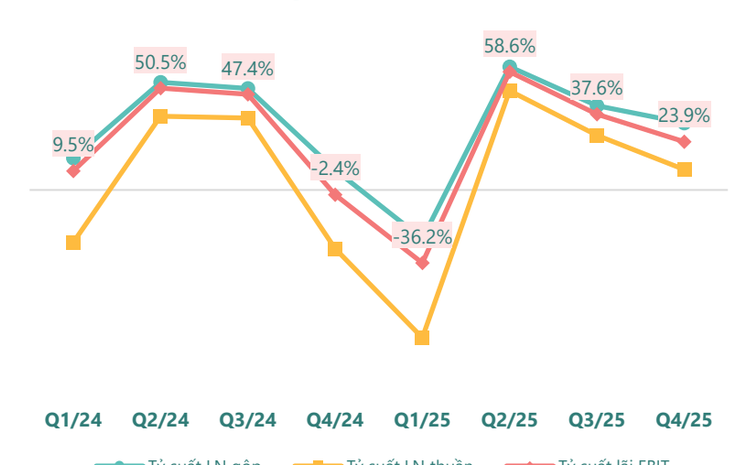
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



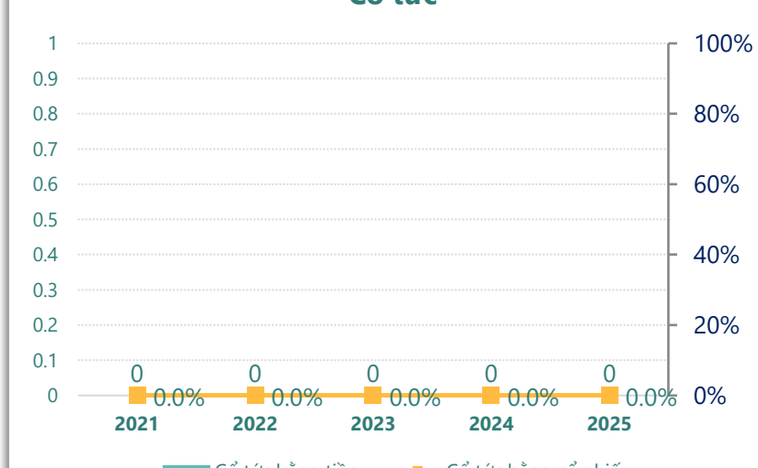
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

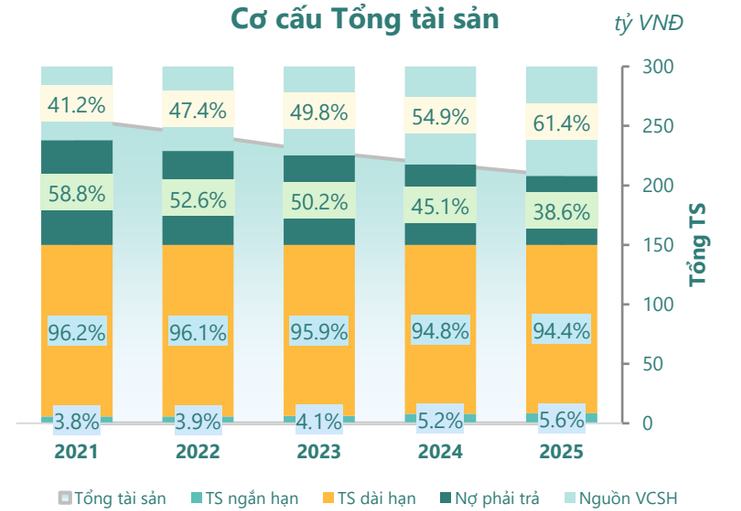
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

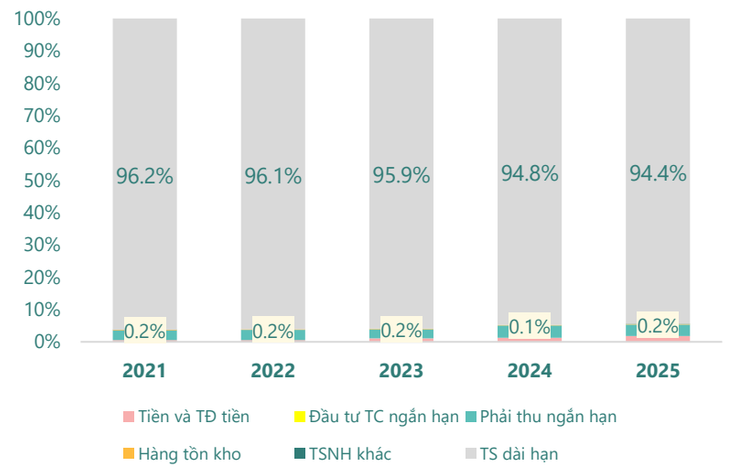
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



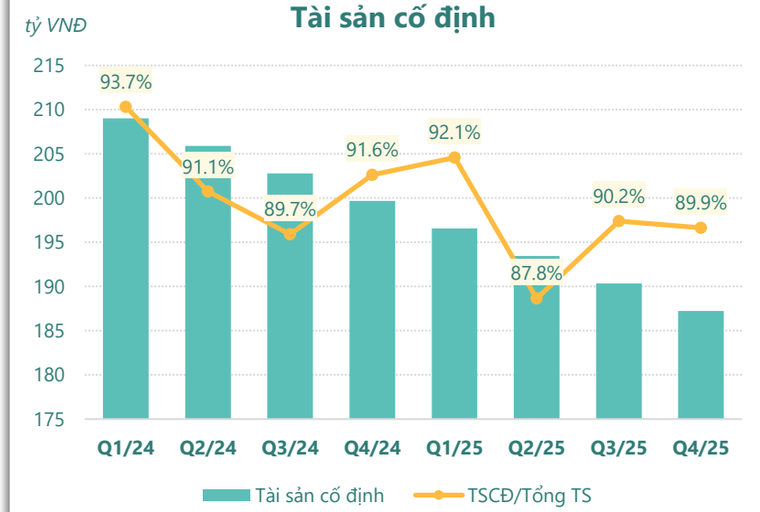
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



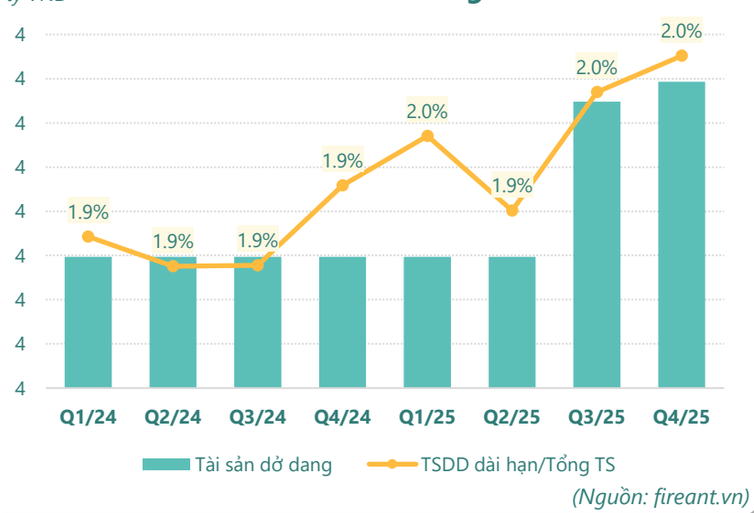
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



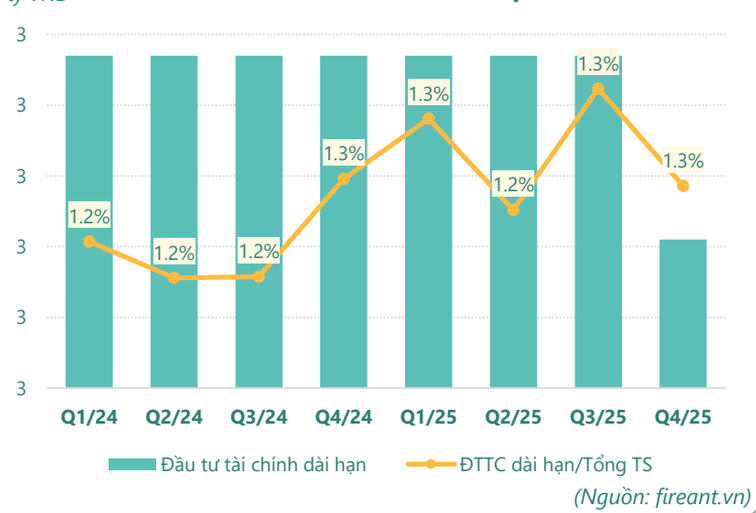
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



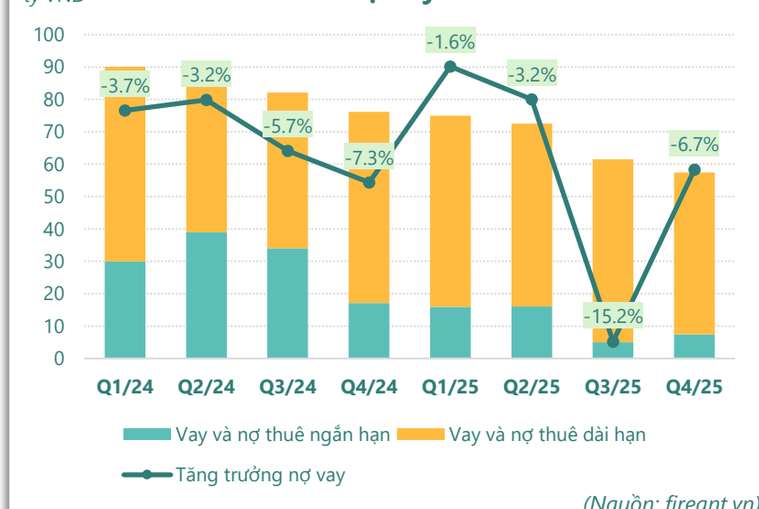
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

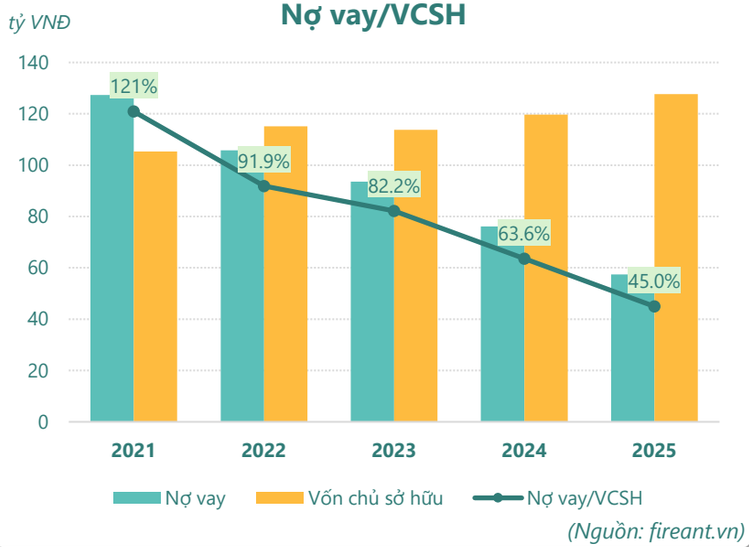
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

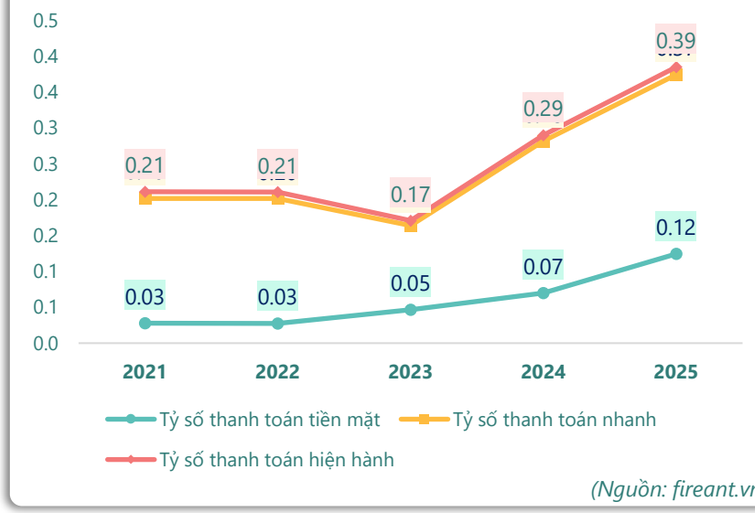
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



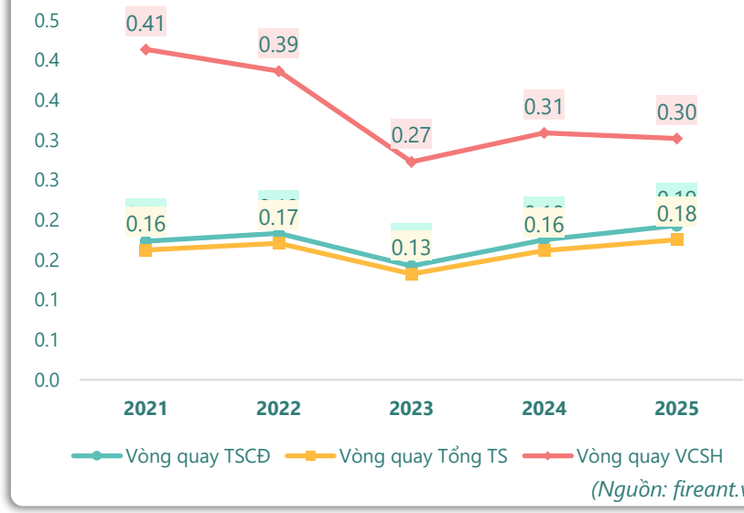
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



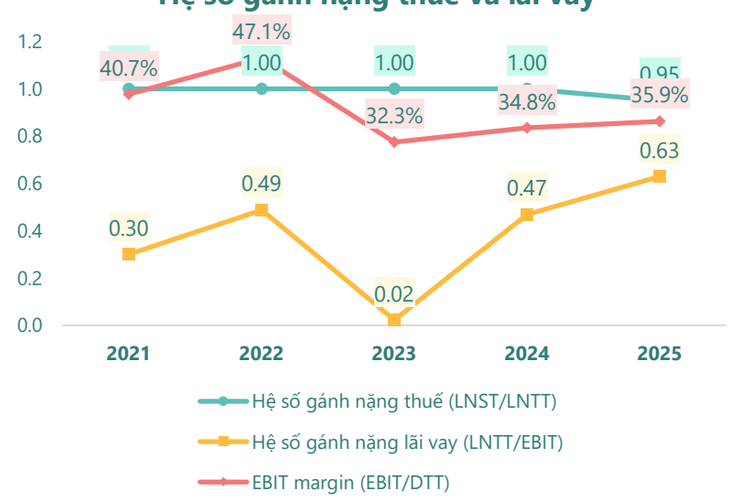
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



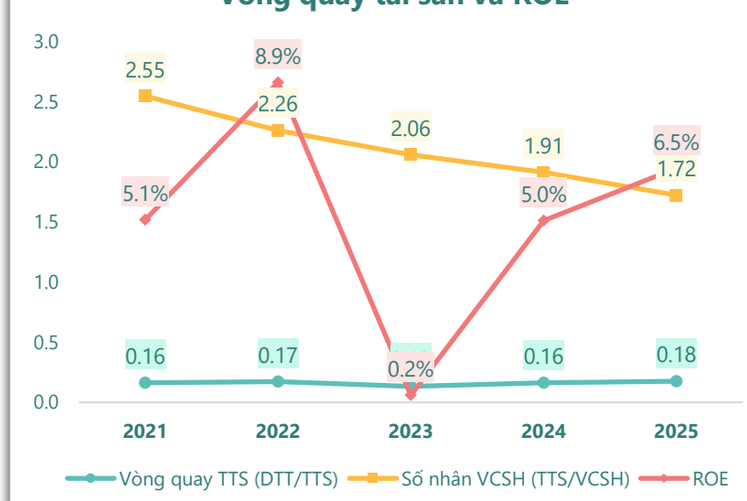
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



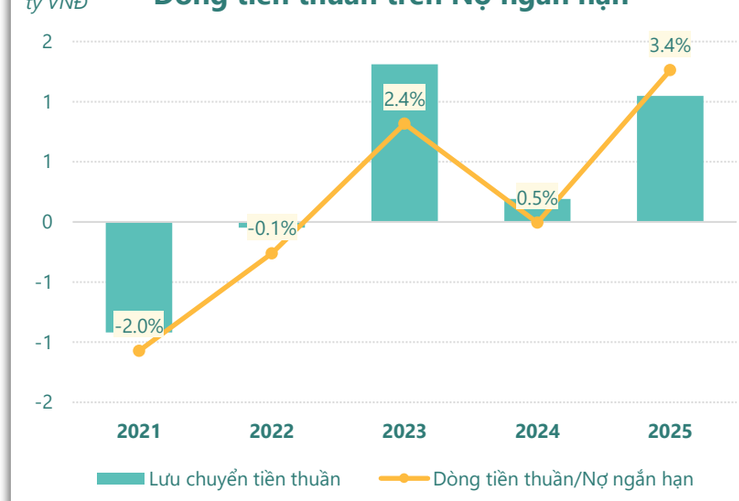
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**7.81**	**5.67**	**37.7%**	**37.4**	**36.1**	**3.5%**
Giá vốn hàng bán	5.21	5.10	2.2%	21.9	21.7	0.9%
Lợi nhuận gộp	2.59	0.57	355%	15.4	14.3	7.5%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-47.3%
Chi phí TC	1.08	1.51	-28.5%	4.98	6.68	-25.5%
Chi phí lãi vay	1.08	1.51	-28.5%	4.98	6.68	-25.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.73**	**0.71**	**2.3%**	**2.00**	**1.79**	**11.5%**
LN thuần từ HĐKD	0.79	-1.65	148%	8.46	5.89	43.7%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**-0.01**	**-0.01**	**-64.6%**
LN trước thuế	0.79	-1.65	148%	8.45	5.88	43.7%
Lợi nhuận sau thuế	**0.75**	**-1.65**	**145%**	**8.03**	**5.88**	**36.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.75**	**-1.65**	**145%**	**8.03**	**5.88**	**36.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	11.0	1.69	0.15	5.81	9.06	4.74
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.00	-6.00	-1.20	-2.40	-11.0	-4.10
Tiền đầu kỳ	1.03	7.05	2.74	1.68	5.09	3.15
Lưu chuyển tiền thuần	**6.02**	**-4.31**	**-1.05**	**3.41**	**-1.94**	**0.64**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.05	2.74	1.68	5.09	3.15	3.78

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**208**	**218**	**-4.5%**
Tài sản ngắn hạn	11.7	11.4	2.8%
Tiền và tương đương tiền	3.78	2.74	38.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	7.37	8.32	-11.4%
Hàng tồn kho	0.33	0.33	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.23	0	
Tài sản dài hạn	**196**	**207**	**-4.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	187	200	-6.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.23	4.19	0.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.61	2.74	-4.8%
Tài sản dài hạn khác	**2.38**	**0.00**	**91664%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	80.4	98.3	-18.2%
Nợ ngắn hạn	**30.4**	**39.3**	**-22.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7.40	17.1	-56.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.96	5.93	0.5%
Nợ dài hạn	50.0	59.0	-15.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	50.0	59.0	-15.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**128**	**120**	**6.7%**
Vốn chủ sở hữu	**128**	**120**	**6.7%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)